

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TAM KỲ  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 210/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2022.

Về việc “*Tranh chấp  
chia tài sản chung của  
vợ chồng sau khi ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thanh.

2. Ông Lê Minh Hải.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, Vv: “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 15, khối phố H, phường H2, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đỗ T-Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ P, sinh năm 1966. Địa chỉ: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. HKTT: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q.

Địa chỉ liên lạc: khối 5 khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: : khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt

2. Ông Trương Văn D, sinh năm 1958. Địa chỉ: tổ 1 khối phố 1 phường P, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn M trình bày:***

Tôi và chị Hồ Thị N trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 96/2021/QDST-HNGĐ ngày 18/6/2021. Tại quyết định ly hôn về phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân tôi và chị N có tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà xây dựng năm 2017 trên diện tích đất của ông Hồ P (cha chị Hồ Thị N) cho tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 14 thuộc phường A (Trích lục bản đồ địa chính) nhưng chưa thực hiện thủ tục tặng cho thì thửa đất trên thuộc diện giải tỏa theo dự án “đường N10 và Khu dân cư hai bên đường”. Việc giải tỏa này đã được kiểm đếm tài sản và áp giá bồi thường theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 05/02/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T và đã có quyết định đền bù cũng như quyết định thu hồi đất. Theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 05/02/2021 thì giá trị bồi thường, hỗ trợ là 264.838.400đ. Ngoài việc đền bù về tài sản thì chúng tôi được hỗ trợ để mua lô đất tái định cư tại Khu dân cư cầu K1, 2 (lô phụ). Tuy nhiên, do tôi và chị N không thống nhất được việc ai là người có quyền mua lô đất tái định cư nên chưa nhận Quyết định bồi thường và chưa nhận tiền. Hiện nay, căn nhà này vẫn còn nguyên, chưa bị tháo dỡ. Tôi yêu cầu được nhận 1/2 giá trị của số tiền 264.838.400đ, tôi không thống nhất với yêu cầu độc lập của ông Hồ P đối với giá trị nhà kho, nhà xưởng là 72.921.840đ vì toàn bộ tài sản được áp giá bồi thường là của tôi và chị N chứ không phải có sẵn nhà kho, nhà xưởng của vợ chồng ông P như ông P trình bày.

Đối với quyền sử dụng lô đất bố trí tái định cư theo dự án Đường N10 và Khu dân cư hai bên đường tôi xin rút yêu cầu vì lô đất này hiện nay chưa có Quyết định giao đất của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với yêu cầu của chị Hồ Thị N về chia tài sản chung của vợ chồng là giá trị ngôi nhà và cây trồng tại phường H, thành phố T, tôi thống nhất giá trị theo tại Chứng thư thẩm định giá là 146.046.000đ, tôi yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản này và thối trả cho chị Nghiêm ½ giá trị là 73.023.000đ.

Ngoài những tài sản trên thì chúng tôi không có tài sản gì khác và cũng không có nợ ai.

**- Bị đơn chị Hồ Thị N trình bày:** Năm 2010 tôi và anh M kết hôn nhưng đã ly hôn năm 2021. Tại quyết định ly hôn thì tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống thì chúng tôi sinh sống tại nhà cha mẹ anh M và đã sửa chữa lại nhà dưới vào năm 2010. Sau đó, nhiều lần chúng tôi tiếp tục sửa chữa. Năm 2015 thì chúng tôi đập nhà trên cũ của cha mẹ anh M và xây mới lại như hiện nay. Trị giá phần tài sản đóng góp vào căn nhà ở H đã được định giá, tôi yêu cầu giao căn nhà nêu trên cho anh M sử dụng và thối trả cho tôi  $\frac{1}{2}$  giá trị là 73.023.000đ.

Ngoài ra, trong thời gian chung sống thì năm 2016 cha tôi có đồng ý cho chúng tôi được sửa chữa lại nhà trên đất của cha tôi ông Hồ P. Chúng tôi để nguyên nhà kho, nhà xưởng mộc của cha và xây thêm 03 phòng. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thì năm 2018 thì có dự án xây dựng đường N10 nên căn nhà thuộc diện giải tỏa và được áp giá đền bù 264.838.400đ. Hiện nay đã có bảng tính giá trị bồi thường và quyết định bồi thường đối với tài sản. Trong tổng số tiền này có 72.921.840 đồng là tiền nhà kho, nhà xưởng của cha mẹ tôi là ông Hồ P, bà Nguyễn Thị Thùy T. Do vậy về giá trị bồi thường phần của tôi và ông M chỉ có 191.916.560 đồng. Về quyền sử dụng đất là của cha tôi nên quyền ưu tiên mua lô đất tái định cư thuộc về người đang có nhà và sinh sống trên nhà đó. Tại thời điểm đền bù thì hộ khẩu chỉ có tôi và con tôi sinh sống trong nhà nên việc ưu tiên mua nếu có thì tôi là người được ưu tiên mua nên tôi không đồng ý với việc ghi nhận quyền ưu tiên mua này cho anh M.

Ngoài những tài sản trên thì chúng tôi không có tài sản gì khác và cũng không có nợ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ P trình bày: đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với của anh Nguyễn M với con gái tôi là Hồ Thị N ở phường A hiện đang được giải tỏa bồi thường là hết sức vô lý. Nguồn gốc đất và nhà nói trên là của tôi, khi con gái tôi là Hồ Thị N lập gia đình với anh Nguyễn M thì con gái tôi và anh M về nhà cha mẹ anh M ở phường H sinh sống được 11 năm, quá trình sinh sống ở ngôi nhà của cha mẹ anh M thì anh M và con gái tôi có sửa chữa lại ngôi nhà mới khang trang hiện nay anh M đang ở.

Trong thời gian sinh sống ở phường H thì anh M đối xử tệ với con gái tôi nên tôi khuyên con về nhà tôi và cho ở tạm trên ngôi nhà mà hiện nay đang được giải tỏa bồi thường. Khi ở nhà này thì con gái tôi có xây thêm 3 phòng. Nay trúng giải tỏa bồi thường thì vì đây là nhà đất tôi cho ở nhờ và được áp giá bồi thường là 264.838.400 đ, tôi có ý kiến: phần nhà kho là của vợ chồng tôi tính theo bảng giá trị bồi thường là 72.921.840 đ, tôi cho con gái nhận, vì nhà đất có sẵn của vợ chồng tôi, sau đó thương con nên cho ở tạm, xây thêm 3 phòng nên tôi đồng ý chia cho anh Mẫn và con gái tôi giá trị còn lại, nếu anh M không đồng ý thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với đất bị thu hồi tái định cư thì của con gái tôi vì nguồn gốc đất của gia đình tôi.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày: đối với giá trị bồi thường ngôi nhà với số tiền 264.838.400 đ mà anh Nguyễn M tranh chấp với con gái tôi, về nguồn gốc của tài sản trên đã có một trại mộc của vợ chồng tôi. Tôi ly hôn với ông Hồ P tôi chưa chia tài sản chung. Do quá trình chung sống con gái tôi và anh M có mâu thuẫn nên cho về nhà tôi có làm thêm 3 phòng để ở. Năm 2018 căn nhà thuộc diện giải tỏa áp giá đền bù, tổng số tiền này có 72.892.840đ là tiền nhà kho là tài sản chung của tôi và ông P, phần của tôi được một nửa trong số tiền này và tôi yêu cầu cho con gái tôi là Hồ Thị N.

Người làm chứng:

1. Ông Hồ Văn H trình bày: tôi sinh sống tại khối phố M từ trước đến nay, tôi có chứng kiến trước đây ông Hồ P có một trại mộc tại khối phố M cũng lâu rồi. Sau này ông P có cho đất phía sau trại cho bà N là con gái và ông M là con rể ông P xây thêm 3 phòng để ở. Tôi cam đoan sự việc trên là hoàn toàn sự thật.

2. Ông Trương Văn D trình bày: trước đây tôi là nghề mộc tại trại mộc ông Hồ P được hơn 10 năm, sau đó con ông P xây thêm 3 phòng để ở, tôi xác nhận trại mộc ông P có từ trước đến nay. Tôi xin cam đoan lời nói của tôi là sự thật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quyền sử dụng tại lô đất bố trí tái định cư theo dự án “đường N10 và KDC hai bên đường”; Tại phiên Tòa ông Nguyễn M rút yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này;

- Về ngôi nhà tại khối phố H, phường H2, thành phố T đề nghị giao ngôi nhà này cho ông M sử dụng và ông M có nghĩa vụ bồi trả cho bà N ½ giá trị là 73.022.500 đồng.

- Về ngôi nhà đã được tính giá trị bồi thường, hỗ trợ là 264.838.400đ tại Quyết định số 7190/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND thành phố T và Bản tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 05/02/2021 thì đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hồ P, công nhận trong tổng số tiền 264.838.400đ có 72.921.840 đồng là tiền nhà kho, nhà xưởng của ông Hồ P và bà Nguyễn Thị Thùy T, đề nghị giao cho bà N nhận vì ông P, bà T thống nhất cho bà N, số tiền còn lại ông M, bà N mỗi người được nhận 95.907.950 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn M có đơn khởi kiện “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” đối với bà Hồ Thị N hiện trú tại: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của ông M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Ông Hồ P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy

[2.1] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng tại lô đất bố trí tái định cư theo dự án “đường N và KDC hai bên đường”; Tại phiên Tòa ông Nguyễn M rút yêu cầu, việc rút yêu cầu của ông M là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này; quyền khởi kiện lại của đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà đã được tính giá trị bồi thường, hỗ trợ là 264.838.400đ tại Quyết định số 7190/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND thành phố T và Bản tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 05/02/2021 thì thấy:

Ông Nguyễn M cho rằng đây là tài sản chung của ông và bà Hồ Thị N; bà N thì cho rằng tài sản này được xây dựng trên cơ sở đã có nhà kho, nhà xưởng của cha mẹ bà N là ông Hồ P và bà Nguyễn Thị Thùy T nên tài sản chung của bà N và ông M phải trừ đi giá trị phần nhà kho, nhà xưởng là 72.921.840 đồng của cha mẹ bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ P cũng có yêu cầu độc lập xác định trong khối tài sản này có nhà kho là của vợ chồng ông Hồ P và được tính giá trị bồi thường là 72.921.840 đồng chung trong tổng giá trị 264.838.400đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời khai của ông M và bà N thì ngôi nhà này được xây dựng năm 2017, xây dựng trên đất của hộ ông Hồ P (cha bà N). Về nguồn gốc của phần nhà kho ông Hồ P cho rằng do ông P làm nghề mộc nên mới làm kho để sử dụng phục vụ cho công việc, các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện như: Giấy xác nhận về hộ khẩu, Nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng trên đất ngày 07/12/2020 xác định về Vật kiến trúc: Do ông Hồ P tự xây dựng cho con gái là Hồ Thị N năm 2017, có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2017; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2017 cũng xác định nghề nghiệp của ông Hồ P là thợ mộc; những người làm chứng đều xác nhận họ có chứng kiến trước đây ông Hồ P có một trại mộc tại khối phố M cũng lâu rồi. Sau này ông P có cho đất phía sau trại cho bà N là con gái và ông M là con rể ông P xây thêm 3 phòng để ở.

Như vậy, có cơ sở xác định phần nhà kho giá trị 72.921.840 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Hồ P, bà Nguyễn Thị Thùy T có trước khi ly hôn nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hồ P;

Do đó, Hội đồng xét xử xác định trong tổng số tiền 264.838.400đ này, ông Hồ P và bà Nguyễn Thị Thùy T được nhận 72.921.840 đồng, ông Nguyễn M được nhận 95.907.950 đồng, bà Hồ Thị N được nhận 95.907.950 đồng. Số tiền 72.921.840 đồng ông P và bà T tự nguyện cho bà Hồ Thị N nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự. Xác định trong tổng số tiền 264.838.400đ này ông Nguyễn M được nhận 95.907.950 đồng, bà Hồ Thị N được nhận 168.930.450 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là giá trị ngôi nhà tại khối phố H, phường H2, thành phố T của bà N, ông M thống nhất: do nhà làm trên đất của cha mẹ ông M nên giao ngôi nhà này cho ông M sử dụng và ông M có nghĩa vụ bồi trả cho bà N  $\frac{1}{2}$  giá trị.

Tại chứng thư Thẩm định giá thể hiện giá thị trường của tài sản là 146.045.000 đồng gồm: công trình xây dựng trên đất 145.595.960 đồng và cây trồng trên đất là 450.000 đồng. Do vậy, ông M phải bồi trả cho bà N 73.022.500 đồng.

[2.4] Về án phí:

- Án phí chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn: bà N, ông M mỗi người phải chịu 8.446.500 đồng.
- Hoàn trả cho ông Hồ P số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

[2.5] Về chi phí tố tụng: số tiền 4.200.000 đồng, bà N, ông M mỗi người phải chịu một nửa là 2.100.000đ (ông M, bà N đã nộp đủ số tiền trên).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu giải quyết đối với quyền sử dụng tại lô đất bố trí tái định cư theo dự án “đường N và KDC hai bên đường; quyền khởi kiện lại của đương sự đối với phần yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” của ông Nguyễn M và bà Hồ Thị N; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hồ P.

- Về tài sản chung:

+ Về số tiền 264.838.400đ theo Quyết định số 7190/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND thành phố T, ông Nguyễn M được nhận 95.907.950 đồng (Chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm năm mươi đồng), bà Hồ Thị N được nhận 168.930.450 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

+ Giao cho ông Nguyễn M sở hữu, sử dụng 01 căn nhà cấp 4 tại khối phố H, phường H2, thành phố T (nhà làm trên thửa đất số 47 tờ bản đồ số 13, phường H2 của cha mẹ ông M, các đương sự không tranh chấp về đất), có kết cấu: nhà cấp 4 có gác lửng, khung, dầm, giằng, trụ BTCT, tường xây gạch có sơn nước, hiên đúc BTCT, trần thạch cao 38,3m<sup>2</sup>.

Gác lửng: gác lửng gỗ, nền gác lửng ốp gạch men, trần la phong nhựa, bậc cầu thang ốp đá, lan can cầu thang bằng gỗ diện tích 38,3m<sup>2</sup>

Mái hiên lợp tôn, khung sắt, trụ sắt diện tích 23,4m<sup>2</sup>.

Mái tôn gá tường hông nhà diện tích 7,8m<sup>2</sup>; Sân lát gạch men diện tích 38m<sup>2</sup>.

Tường rào xây gạch dài 15cm, cao 1,93m<sup>2</sup>, mặt trong tường rào ốp gạch men; tường rào dài 15,03m.

02 Trụ cổng xây gạch 0,59, mái vòm bằng đan BTCT dày 10cm, 01 bộ cánh cửa cổng chính bằng khung sắt, 01 bộ cánh cửa cổng phụ bằng khung sắt.

02 cây lộc vùng;

Tổng giá trị tài sản giao cho ông Mẫn là **146.046.000** đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*). Ông Nguyễn M có nghĩa vụ bồi trả cho bà Hồ Thị N số tiền 73.023.500đồng (Bảy mươi ba triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Hồ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn M không trả khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn bà Hồ Thị N, ông Nguyễn M mỗi người phải chịu 8.446.500 đồng.

Ông Nguyễn M đã nộp tạm ứng 13.296.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009344 ngày 26 tháng 10 năm 2021. Hoàn lại cho ông M số tiền 4.849.500đồng (*Bốn triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm đồng*).

Bà Hồ Thị N đã nộp tạm ứng 2.500.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009614 ngày 15 tháng 4 năm 2022. Số tiền án phí còn lại bà N phải nộp là 5.946.500đồng (*Năm triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*).

Hoàn trả cho ông Hồ P số tiền tạm ứng án phí 1.823.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009620 ngày 18 tháng 4 năm 2022.

3. Về chi phí tố tụng: số tiền 4.200.000 đồng, bà N, ông M mỗi người phải chịu một nửa là 2.100.000đ (ông M, bà N đã nộp đủ số tiền trên).

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tp T;
- Chi cục T.H.A tp T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thị Huỳnh Lý**